TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2022/DS-PT
Ngày: 21-9-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Vũ

Các thẩm phán: Trần Thị Kim Sang

Dương Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 8, ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2022/TLPT-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 177/2022/QĐ-PT, ngày 18 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1972; cư tú tại: Khu phố B1, thị trấn B2, huyện B3, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của bà B: Ông Nguyễn Thế M, sinh năm 1968; cư trú tại: Khu phố B1, thị trấn B2, huyện B3, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 13-4-2022).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị D, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ D1, ấp D2, xã D3, huyện D4, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1985; cư trú tại: Số S1 đường S2, khu phố S3, Phường S4, thành phố S5, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 30-11-2021).

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị D là bị đơn.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Trần Thị B trình bày:

Bà và Bà Trần Thị D là chị em ruột có cùng mẹ là bà Đặng Thị H (còn sốn có lập Di chúc ngày 01/11/2013 được Ủy ban nhân dân thị trấn huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh chứng thực, theo đó bà D được cho 01 phần đất diện tích 6m x 210m thuộc một phần của thửa 16, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn B2, huyện B3, tỉnh Tây Ninh. Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01802 cấp ngày 14/6/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Đặng Thị H đứng tên. Đến ngày 16/6/2017, bà Đặng Thị H chết.

Ngày 21/12/2018, bà và bà D có thỏa thuận nhận chuyển nhượng phần đất nêu trên diện tích 6m x 210m với giá 600.000.000 đồng, lập thành văn bản "Hợp đồng mua bán đất được đánh máy và thỏa thuận bà giao trước cho bà D số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại thỏa thuận sẽ giao khi nào bà D làm thủ tục phân chia di sản thừa kế sẽ làm thủ tục sang tên cho bà B. Hai bên có thuận "Nếu bên B (bà B) không thực hiện đúng hợp đồng thì bên B (bà B) sẽ mất số tiền đã đặt cọc, ngược lại nếu bên A (bà D) không thực hiện đúng hợp đồng thì bên A (bà D) sẽ phải bồi thường gấp đôi cho bên B (bà B) số tiền đã trả trước". Cùng ngày ký hợp đồng mua bán đất bà đã giao cho bà D nhận 200.000.000 đồng. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì Bà Trần Thị D chưa đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì chưa hoàn tất thủ tục mở Di chúc.

Tại thời điểm bà thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà D thì trước đó ngày 02/8/2018 bà đã khởi kiện ông Trần Văn H chia thừa kế phần đất thứ nhất thuộc thửa 168, tờ bản đồ số 43 theo Di chúc 01/11/2013 do mẹ Đặng Thị H để lại, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vẫn đang trong quá trình quá trình giải quyết vụ án chia thừa kế này, Tòa án chưa giải quyết xong thì bà D cần tiền nên bà D thỏa thuận chuyển nhượng cho bà một phần của phần đất thứ hai thửa 167, tờ bản đồ số 43 trong Di chúc 01/11/2013 mà bà D được hưởng thừa kế, lúc đó phần đất thứ hai chưa ai tranh chấp chia thừa kế. Bản án số 08/2012/DS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện, tỉnh Tây Ninh về việc tranh chấp chia di sản thừa kế giữa bà với ông H chỉ xử chia phần đất thứ nhất theo di chúc của mẹ Đặng Thị H, không liên quan đến phần đất thứ hai thửa 167, tờ bản đồ số 43. Từ ngày ký chuyển nhượng đến nay đã hơn 02 năm nhưng bà D không làm thủ tục nhận thừa kế để thực hiện việc chuyển nhượng đất cho bà. Hiện bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01802 do bà giữ từ khi mẹ Đặng Thị H còn sống giao cho bà và do các anh, chị em có tên trong Di chúc được nhận chung phần thừa kế chưa thống nhất nhận di sản.

Trước đây bà có mang bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HO1802 đến Ủy ban nhân dân thị trấn B2, huyện B3, tỉnh Tây Ninh để cho bà

Hồng, bà Ly mở di chúc nhưng do vướng tài sản trên phần đất thứ hai phải có mặt tất cả 08 người con đồng ý ký tên thì 04 người còn lại mới được hưởng thừa kế phân đã thứ hai, không phải vì lý do bà giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà họ không mở di chúc được. Bà có nhận đất sử dụng trồng cây mà trên đất 02 năm (năm 2019, năm 2020) nhưng từ khoảng tháng 3/2021 thì bà D lấy lại đất trồng cây chuối trên đất. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm: Chi phí đo đạc bà đã ứng nộp là 16.500.000 đồng, chi phí thẩm định tại chỗ và định giá là 1.600.000 đồng.

Nay, bà B khởi kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 21/8/2018 giữa Bà Trần Thị B và chị là Bà Trần Thị D diện tích 6m x 210m thuộc một phần của thửa 167, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn B2, huyện B3, tỉnh Tây Ninh. Sau đó bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, mà nay yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 21/8/2018 vô hiệu. Bà yêu cầu bà D hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng đã nhận và bà D bồi thường 200.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng.

Bị đơn - Bà Trần Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Ông Nguyễn Minh S thống nhất trình bày:

Bị đơn thừa nhận: vào ngày 21/12/2018 bà có ký "Hợp đồng mua bán đất" cho em ruột là Bà Trần Thị B phần đất diện tích 06 m x 210 m nêu trên với giá 600.000.000 đồng và bà đã nhận số tiền mặt 200.000.000 đồng, số tiền còn lại 400.000.000 đồng hai bên thỏa thuận khi nào bà làm thủ tục phân chia di sản thừa kế sẽ làm thủ tục sang tên cho bà B. Bà đã giao bản gốc Giấy CNQSD đất của mẹ Đặng Thị H cho bà B giữ vào tháng 5/2019 nhưng bà B đã không cung cấp bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để phân chia thừa kế cho đến nay không làm thủ tục sang tên được.

Nay bà D thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà B về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 21/8/2018 giữa Trần Thị Bế và Trần Thị Dung vô hiệu, nhưng do lỗi thuộc hoàn toàn về bà B (bên mua) nên bà B phải mất số tiền 200.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi khoản tiền 400.000.000 đồng của bà B.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị B đối với Bà Trần Thị D về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu".

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bà Trần Thị B đối và Bà Trần Thị D lập ngày 21/12/2018 vô hiệu.

Buộc Bà Trần Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trần Thị B số tiền 400.000.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Buộc Bà Trần Thị D có nghĩa vụ hoàn trả cho Trần Thị Bế số tiền 1.600.000 đồng chi phí thẩm định, định giá. Ghi nhận bà Trần Thị Bể đã ứng nộp số tiền chi phí đo đạc 16.500.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị D phải chịu 20.000.000 đồng. Bà Trần Thị B không phải chịu

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 8 tháng 6 năm 2022, bị đơn Bà Trần Thị D kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên kháng nghị sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ bà D thanh toán cho bà B từ 400.000.000 đồng xuống còn 359.980.000 đồng và án phí.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Tây Ninh thay đổi kháng nghị, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên đã được sửa đổi bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm. Sửa án sơ thẩm, sửa quan hệ tranh chấp thành tranh chấp hợp đồng đặt cọc, buộc bà D trả lại cho bà B 200.000.000 đồng, chấp nhận 01 phần kháng cáo của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của Bà Trần Thị D, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn khởi kiện đề ngày 8 tháng 10 năm 2021 Bà Trần Thị B kiện Bà Trần Thị D yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán đất ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa bên bán là Bà Trần Thị D; bên mua Bà Trần Thị B, diện tích 6m × 210m, đất tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn B2, tỉnh Tây Ninh, thửa đất 167, tờ bản đồ số: 43, cấp ngày ngày 14 tháng 6 năm 2007 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên cấp cho bà Đặng Thị H; giá tiền 600.000.000 đồng, đưa trước 200.000.000 đồng số tiền còn lại sau khi làm thủ tục thừa kế tài sản xong và làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất...Nếu Bên B (bên bà B) không thực hiện đúng hợp đồng thì bên B mất số tiền đã đặt cọc, ngược lại nếu bên A (bên bà D) không thực hiện đúng hợp đồng thì bên A phải bồi thường gấp đôi cho bên B số tiền đã trả trước. Bà D không thực hiện như hợp đồng nên bà B kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất giữa bà B với bà D để giao đất và làm thủ tục chuyển nhượng sang tên 6m × 210m mà bà D được nhận thừa kế.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 bà B làm đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B với bà D vô hiệu, buộc bà D trả lạo tiền cọc đã nhận 200.000.000 đồng và bồi thường 01 lần tiền cọc 200.000.000 đồng tổng cộng 400.000.000 đồng theo hợp đồng. Đây là tranh chấp về đặt cọc, để sau khi làm thủ tục thừa kế tài sản xong, làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất, giao đủ số tiền còn lại.

[2] Bị đơn: bà D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông: Nguyễn Minh Sang thừa nhận ngày 21 tháng 12 năm 2017 bà D có ký hợp đồng mua bán đất với em ruột là bà B. Nội dung hợp đồng như bà B trình bày, nhưng do bà B không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ Đặng Thị H để phân chia thừa kế. Cho đến nay không làm thủ tục sang tên được, nên bà B mất cọc, bà không có sai, bà có thuê Luật sư đi làm giấy ngày 03 tháng 3 năm 2019 hai người đi làm giấy với bà là bà Hồng, bà Ly cùng đi. Tại phiên tòa bà D xác định 200.000.000 đồng là tiền cọc. Bà D Kháng cáo yêu cầu xem toàn bộ bản án.

[3] Kháng nghị của viện Kiểm Sát cấp sơ thẩm cho rằng bản án nhận định: Hợp đồng vô hiệu toàn phần, về giá trị bồi thường thời điểm hiện nay 1.260m^2 ×1.238.000 đồng = 1.559.880.000 đồng. Kết quả chênh lệch là 1.554.880.000 đồng – 600.000.000 đồng = 959.880.000 đồng; 50% số tiền chênh lệch là 479.940.000 đồng là không đúng ảnh hưởng quyền lợi của bà D; mà số tiền chênh lệch chỉ tính trên số tiền 200.000.000 đồng mà bà B đã đưa cho bà D tương ứng diện tích 420m^2 đất các bên giao dịch ngày 21 tháng 12 năm 2018. Số tiền phải bồi thường là 519.960.000 đồng – 200.000.000 đồng = 319.960.000 đồng, do lỗi ngang nhau nên bà D chỉ bồi thường thiệt hại cho bà B ½ số tiền 319.960.000 đồng là 159.980.000 đồng. Tổng cộng là bà B thanh toán cho bà D 359.980.000 đồng không phải 400.000.000 đồng như án sơ thẩm tuyên, nên viện Kiểm Sát đề nghị sửa án sơ thẩm và án phí. Tại phiên tòa đại diện viện Kiểm Sát tỉnh Tây Ninh sửa đổi bổ sung kháng nghị đề nghị hội đồng xét xử thay đổi quan hệ tranh chấp thành tranh chấp hợp đồng đặt cọc và xác định lỗi bà D chưa làm được thủ tục nhận thừa kế tài sản để thực hiện hợp đồng; Còn bà B có lỗi là không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hoa (mẹ ruột) để bà D mới đủ hồ sơ làm thủ tục được, lỗi cả hai bên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu của bà B, bà D trả lại cho bà B 200.000.000 đồng không phạt vi phạm hợp đồng.

- Bà D kháng cáo cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng ngày 03 tháng 3 năm 2019 bà có thuê Luật sư đi làm thủ tục nhận thừa kế, khi đi làm thủ tục thừa kế có bà, bà Hồng, bà Ly cùng đi; Bà B có đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn B2 không nhận làm do thiếu người thừa kế . Sau đó bà D yêu cầu bà B giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà đi làm thủ tục nhận thừa kế nhưng bà B không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ để bà đi làm; Bà B thừa nhận có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phần thừa kế của bà D.

[4] Xét kháng nghị của viện Kiểm Sát và kháng cáo của bị đơn thấy rằng bà B, bà D ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21 tháng 12 năm 2018 phần đất ngang 6m × dài 210m sau khi nhận thừa kế của mẹ (bà Hoa) đưa trước 200.000.000 đồng số tiền còn lại sau khi làm thủ tục thừa kế tài sản xong và làm thủ tục sang tên đất, hai bên thống nhất bên nào thực hiện không đúng thì sẽ mất cọc, hoặc bị phạt cọc. Sau khi ký hợp đồng bà D và bà B có thiện chí đến Ủy ban nhân dân thị trấn B2 làm thủ tục nhận thừa kế và bà Hồng bà Ly cũng đi, nhưng thiếu người trong hàng thừa kế (ông Ngọc) cùng đi nên Ủy ban nhân dân không làm thủ tục nhận thừa kế. Sau đó các đương sự không tiếp tục đi làm thủ tục nhận thừa kế, bà B không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ (bà Hoa) để đủ hồ sơ làm bà D tiếp tục làm thủ tục nhận thừa kế tài sản. Bà B, bà D không có chứng cứ biểu hiện tác động nào tác động nhau để tiếp tục thực hiện hợp đồng và trong hợp đồng mua bán đất ngày 21 tháng 12 năm 2018 ghi sau khi làm thủ tục thừa kế tài sản xong và làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất, không quy định thời hạn nào làm thủ tục thừa kế xong để xác định bên vi phạm hợp đồng . Từ nhận định trên xác định và Dung và bà B cùng có lỗi, có cơ sở chấp nhận kháng nghị sửa đổi bổ sung của viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Tây Ninh và 01 phần kháng cáo bà D, sửa án sơ thẩm.

[5] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu 10.000.000 đồng. Bà B phải chịu 10.000.000 đồng

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà D không phải chịu

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 328, 502, 503 của Bộ luật Dân sự; Điều 188 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận 01 phần kháng cáo của Bà Trần Thị D.

Chấp nhận kháng nghị của viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, sửa đổi bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị B đối với Bà Trần Thị D về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

Buộc Bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả lại cho Bà Trần Thị B số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà D còn phải trả cho bà B số tiền lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Buộc Bà Trần Thị D có nghĩa vụ hoàn trả cho Trần Thị Bế số tiền 1.600.000 đồng chi phí thẩm định, định giá. Ghi nhận Bà Trần Thị B đã ứng nộp số tiền chi phí đo đạc 16.500.000 đồng, bà B có trách nhiệm chịu chi phí đo đạc, đã ứng nộp và thanh toán xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị D phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng. Bà Trần Thị B phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng, được khấu trừ số tiền bà B đã nộp 10.300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0003528 ngày 21 tháng 10 năm 2021 và Biên lai thu số 0003689 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Còn lại 300.000 đồng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên hoàn trả cho bà B

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị D không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên hoàn trả cho bà D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Phúc thẩm theo Biên lai thu số: 0003922 ngày 08 tháng 6 năm 2022

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã kí

Trần Tuấn Vũ